TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 6 - 2021
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ **Ông Lương Phi Hùng**

2/ **Ông Nguyễn Văn Thiên**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Thị Tuyết Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày **18** tháng **6** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1989 – có mặt

- ***Bị đơn:*** **Anh Nguyễn Thiện Đ**, sinh năm 1982 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: số A, tổ 7, khóm 4, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2021, chị Nguyễn Hồng N là nguyên đơn trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 01 năm 2012 tôi và anh Nguyễn Thiện Đ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai bên do quen biết được cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/01/2012. Sau khi cưới chúng tôi về sống chung tại phường T, thị xã Bình Minh cho đến nay, thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi có nhiều mâu thuẫn như: cãi nhau, vợ chồng bất đồng ý kiến, cuộc sống không có hạnh phúc, chúng tôi còn sống chung một nhà nhưng đã ly thân đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thiện Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung:

1) Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 07/7/2012, do chị N quản lý và nuôi dưỡng.

2) Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 04/4/2018, do anh Đ quản lý và nuôi dưỡng.

Khi được ly hôn chị N đồng ý theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh T là muống sống với chị; Riêng cháu Nguyễn Ngọc Trúc P đang sống với anh Đ, chị đồng ý tiếp tục để anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

- Tại bản tự khai ngày 17/3/2021 của cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh T thể hiện ý kiến: Nếu mẹ và cha của cháu được Tòa án cho ly hôn thì cháu yêu cầu được tiếp tục sống chung với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét mối quan hệ gia đình: Nhận thấy, giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Thiện Đ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo

quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N với anh Đ có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Thiện Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung:

+ Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 07/7/2012;

+ Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 04/4/2018;

- Xét yêu cầu nuôi con của chị N là có căn cứ chấp nhận; Bởi lẽ, từ khi vợ chồng ly thân cháu T do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và quản lý. Mặt khác, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T là nêu cha, mẹ cháu được ly hôn thì cháu mong muốn được tiếp tục sống với chị N. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Xét thấy, anh Đ đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Trúc P, để đảm bảo cuộc sống và tránh làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cháu P cho anh Đ nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị N đồng ý tiếp tục cho anh Đ nuôi dưỡng cháu P.

- Do chị N, anh Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T và P, nên chị N, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Hồng N, anh Nguyễn Thiện Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận. Bị đơn anh Đ không có ý kiến phản bác nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N trình bày không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Đ không có ý kiến phản bác nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng Nh phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010738, ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị N không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N.

Cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Thiện Đ.

2/ Về con chung:

- Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 07/7/2021 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 04/4/2021 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Do chị N, anh Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên chị N, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Hồng N, anh Nguyễn Thiện Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, để tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010738, ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn chị N có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND TX Bình Minh;*
- *CC THADS TX Bình Minh;*
- *UBND xã N;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*